**Tuần 19 Ngày soạn: 29/1/2023**

**Ngày dạy: 30/1/2023**

Tiết 19 Bài 14:

**ĐÔNG NAM Á - ĐẤT LIỀN VÀ HẢI ĐẢO**

**I. MỤC TIÊU**

**Sau bài học, học sinh cần nắm được:**

**1. Kiến thức:**

Trình bày được những đặc điểm nổi bật về vị trí, giới hạn và các tự nhiên của khu vực Đông Nam Á.

**2. Kĩ năng:** Rènkĩ năng:

**-** Phân tích lược đồ, bản đồ và biểu đồ để nhận biết vị trí khu vực ĐNÁ trong châu lục và trên thế giới, rút ra ý nghĩa của vị trí cầu nối của khu vực về kinh tế và quân sự.

- Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên để giải thích một số đặc điểm về khí hậu, chế độ nước sông và cảnh quan khu vực.

**3. Thái độ:** Có thái độ khách quan, khoa học khi giải thích những đặc điểm tự nhiên một khu vực, có thái độ bảo vệ môi trường.

**4. Định hướng phát triển năng lực:**

**-** Nănglực chung: tự học, hợp tác,..

**-** Năng lực riêng: sử dụng bản đồ, lược đồ, biểu đồ, tranh ảnh,..

**II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**1. Đối với giáo viên:**

- Một số lược đồ, biểu đồ, tranh ảnh,...

- Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa Pa-đăng và Y-an- gun (phóng to)

- Bản đồ tự nhiên khu vực Đông Nam Á, châu Á

**2. Đối với học sinh:**

- Sách vở, đồ dùng học tập

- Chuẩn bị bài trước và trả lời các câu hỏi SGK

**III.** **TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP**

**1. Ổn định tổ chức:**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (3 phút)**

**1. Mục tiêu:**

HS được hiểu biết về vị trí khu vực và ý nghĩa của vị trí cầu nối ảnh hưởng đến đặc điểm tự nhiên. Từ đó tạo hứng thú yêu quê hương đất nước

**2**. **Phương pháp - kỹ thuật**: Vấn đáp, trực quan qua bản đồ, biểu đồ,...

**3. Phương tiện:**

**-** Một số lược đồ, biểu đồ, tranh ảnh,...

- Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa Pa-đăng và Y-an- gun (phóng to)

* Bản đồ tự nhiên khu vực Đông Nam Á

**4. Các bước hoạt động:**

**B1:** GV giao nhiệm vụ:

HS quan sát bản đồ châu Á và cho biết: khu vực nào của châu Á có vị trí là cầu nối giữa Đại dương và châu lục.

**B2:** HS quan sát bản đồ và bằng hiểu biết để trả lời

**B3**: HS báo cáo kết quả ( HS trả lời – HS khác nhận xét)

**B4**: GV dẫn dắt vào bài. Với vị trí đó có ảnh hưởng như thế nào đến các đặc điểm tự nhiên của khu vực. Bài học hôm nay cô cùng các em tìm hiểu .

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**HOẠT ĐỘNG 1: Tìm hiểu vị trí và giới hạn khu vực ĐNÁ (10 phút)**

- Mục tiêu: Trình bày được được ĐNÁ gồm bán đảo Trung Ấn và quần đảo Mã Lai, là cầu nối giữa ÂĐD và TBD. Ý nghĩa quan trọng về kinh tế và quốc phòng

- Phương pháp – kỹ thuật dạy học: Phương pháp sử dụng bản đồ, lược đồ SGK, vấn đáp.

- Hình thức tổ chức : cá nhân

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò:** | **Ghi bảng:** |
| **B1**: GV Y/cầu HS quan sát H14.1 và H14.2 SGK:  *- Cho biết vị trí, giới hạn của khu vực ĐNÁ, xác định trên bản đồ.*  *- Nêu ý nghĩa vị trí địa lý của khu vực Đông Nam Á?*  **B2:** HS: Thực hiện nhiệm vụ, trao đổi kết quả làm việc và lên xác định trên bản đồ.  **B3**: Trình bày trước lớp, các HS khác nhận xét  **B4**: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức | **1/ Vị trí và giới hạn của khu vực ĐNÁ:**  **-**ĐNÁ gồm bán đảo Trung Ấn và quần đảo Mã Lai  - Là cầu nối giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, giữa châu Á và Châu Đại Dương  \* Ý nghĩa: quan trọng về kinh tế và quân sự |

**HOẠT ĐỘNG 2: Tìm hiểu đặc điểm tự nhiên (25 phút)**

**- Mục tiêu:** Nêu được đặc điểm địa hình, khí hậu, sông ngòi, cảnh quan của bán đảo Trung Ấn và quần đảo Mã Lai

**- Phương pháp - kỹ thuật dạy học**: sử dụng bản đồ, lược đồ H14.1 và H14.2 (2 biểu đồ), SGK, thảo luận nhóm.

**- Hình thức tổ chức:** nhóm

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò:** | **Ghi bảng:** |
| **B1:** GV: Giao nhiệm vụ cho các nhóm như sau:  -Dựa vào H14.1 và H14.2( 2 biểu đồ) hoàn thành nội dung trong bảng mẫu sau: (5’)   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Yếu tố TN | Bán đảo Trung Ấn | Quần đảo Mã Lai | | Địa hình |  |  | | Khí hậu |  |  | | Sông ngòi |  |  | | Cảnh quan |  |  |   Phân công:  Nhóm lẻ: Dựa vào H14.1 và thông tin SGK tìm hiểu đặc điểm tự nhiên của bán đảo Trung Ấn  Nhóm chẵn: Dựa vào H14.1và 2 biểu đồ H14.2 tìm hiểu đặc điểm tự nhiên của quần đảo Mã Lai.  **B2:** HS: Thực hiện nhiệm vụ, trao đổi kết quả làm việc theo nhóm  **B3**: Trình bày trước lớp, các nhóm khác nhận xét  **B4**: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức  \*Liên hệ các trận động đất, núi lửa xảy ra ở khu vực Đông Nam Á trong những năm qua.  \* Lồng ghép giáo dục HS có ý thức bảo vệ môi trường . | **2/ Đặc điểm tự nhiên:** |

**\* Nội dung ghi bảng**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **yếu tố TN** | **Bán đảo Trung Ấn** | **Quần đảo Mã Lai** |
| **Địa hình** | - Chủ yếu là núi cao hướng B-N, ĐB-TN, các cao nguyên thấp  - Các thung lũng sông chia cắt địa hình  - Đồng bằng màu mỡ phân bố ở hạ lưu sông, ven biển, dân cư đông đúc nguồn lao động dồi dào | - Hệ thống núi vòng cung, nhiều núi lửa  - Đồng bằng ven biển |
| **Khí hậu** | Nhiệt đới gió mùa, bão mùa hè thu  (Y-an-gun) | Xích đạo và nhiệt đới gió mùa (Pa-đăng), nhiều bão |
| **Sông ngòi** | Sông ngòi phát triển, có nhiều sông lớn: sông Hoàng Hà, Mê Công, chế độ nước phụ thuộc vào mùa mưa | Ngắn dốc, nhỏ, chế độ nước điều hòa, có giá trị thuỷ điện |
| **Cảnh quan** | Rừng nhiệt đới và rừng thưa, xa van | Rừng rậm 4 mùa xanh quanh năm |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP: (3 phút)**

- **Mục tiêu**: Nhằm hệ thống hóa và cho HS nắm toàn bộ kiến thức trọng tâm của bài học.

**- Phương pháp**: vấn đáp, gợi mở

- Hình thức: Cá nhân.

Gọi 2 HS lên xác định trên bản đồ vị trí, giới hạn khu vực ĐNÁ và các con sông lớn trên bán đảo Trung Ấn.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, MỞ RỘNG: (3 phút)**

**\* Mục tiêu**: Giúp HS tìm tòi kiến thức và có sự liên hệ thức tế.

**\* Phương pháp**: sử dụng SGK và phương tiện truyền thông.

**-** Ở địa phương em, sông ngòi có đặc điểm như thế nào? Cho biết những thuận lợi và khó khăn của chúng đối với sản xuất và đời sống?

- Chuẩn bị bài 15 “ Đặc điểm dân cư –xã hội ĐNÁ”.

- Làm bài tập câu 3 SGK (sông Mê-công chảy trong khu vực nhiệt đới gió mùa nên nguồn cung cấp nước là mưa -> chế độ nước thay đổi theo mùa)

- Học bài kết hợp SGK, bản đồ, lược đồ. Trả lời những câu hỏi SGK.

**Tuần 19 Ngày soạn: 29/01/2023**

**Ngày dạy: 2/02/2023**

**Tiết 20 Bài 15. ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI ĐÔNG NAM Á**

**I. MỤC TIÊU**

Sau bài học, học sinh đạt được:

1. Kiến thức: Trình bày được những đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của Đông Nam Á.

2. Kĩ năng:

- Củng cố và phát triển kĩ năng đọc bản đồ, lược đồ về dân cư.

- Phân tích bảng thống kê về dân số.

3. Thái độ: Có nhận thức đúng về dân số trong việc phát triển kinh tế, xã hội. Xây dựng tinh thần hợp tác giúp nhau cùng tiến bộ trong học tập, sinh hoạt cộng đồng.

4. Định hướng phát triển năng lực:

- Năng lực chung: tự học; hợp tác. ..

- Năng lực riêng: Biết phân tích bảng số liệu về dân số, đọc và xác định được vị trí địa lý các nước trên bản đồ.

**II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**1. Đối với giáo viên**

- Bản đồ dân cư châu Á và Đông Nam Á.

- Bảng số liệu về dân số.

- Phiếu học tập.

**2. Đối với học sinh:** Sách, vở, tập bản đồ, đồ dùng học tập.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (3 phút)**

**1. Mục tiêu**

- HS xác định được các nước trong khu vực Đông Á.

- Tạo hứng thú cho HS -> Kết nối với bài học.

**2.Phương pháp - kĩ thuật:** Trực quan bản đồ, cặp nhóm

**3. Phương tiện:** Bản đồ dân cư Đông Nam Á

**4. Các bước hoạt động:**

*Bước 1*: GV yêu cầu HS quan sát bản đồ dân cư và các nước Đông Nam Á.

HS quan sát kết hợp lược đố SGK H15.1, HS đọc tên các nước ĐNÁ

Bước 2: HS làm việc cặp nhóm 2 em

Bước 3: HS trình bày, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV dẫn dắt vào vấn đề: Đông Nam Á là cầu nối giữa 2 châu lục và 2 đại dương vị trí đó đã có ảnh hưởng rất lớn tới đặc điểm dân cư, xã hội của các nước trong khu vực . Để hiểu rõ về đặc điểm dân cư, xã hội như thế nào , chúng ta sẽ cùng tìm hiểu bài học hôm nay*.*

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**HOẠT ĐỘNG 1. Tìm hiểu dân số ĐNÁ so với châu Á và thế giới** *(7 phút)*

*1. Mục tiêu:* Biết được số dân, MĐ DS, tỉ lệ gia tăng của khu vực so với châu Á và thế giới

*2. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:* PP trực quan,sử dụng SGK, bản đồ dân cư châu á và Đông Nam Á,bảng số liệu15.1, phiếu học tập …

*3. Hình thức tổ chức:* Cặp nhóm, nhóm.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG** |
| *Bước 1:* GV yêu cầu HS dựa vào bảng 15.1  So sánh số dân, mật độ dân số trung bình, tỉ lệ tăng dân số hằng năm của khu vực so với châu Á và thế giới.  Bước 2: HS làm việc 2 em/ nhóm.  Bước 3: HS trình bày, nhận xét, bổ sung.  Bước 4: GV chuẩn xác kiến thức | **I/ Đặc điểm dân cư:**  - Dân số ĐNÁ đông.  - MĐ DS thuộc loại cao so với thế giới và tương đương với châu Á.  - Tỉ lệ gia tăng dân số cao. |

**HOẠT ĐỘNG 2. Tìm hiểu tên các nước, dân số, thủ đô, sự phân bố dân cư, ý nghĩa đối với sự phát triển kinh tế xã hội** *(Thời gian: 15 phút)*

*1. Mục tiêu:* Biết được tên nước, thủ đô, sự phân bố dân cư, ý nghĩa của dân số đông đối với phát triển kinh tế xã hội.

*2. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:* PP trực quan bản đồ, Bảng 15.2, SGK… Hợp tác nhóm

*3. Hình thức tổ chức:* Nhóm, cá nhân.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG** |
| *Bước 1:* GV yêu cầu HS dựa bảng 15.2 và hình 15.1 kết hợp với bản đồ cho biết  - ĐNÁ có bao nhiêu nước, tên nước và thủ đô.  - So sánh diện tích, dân số nước ta với các nước  - Có những ngôn ngữ phổ biên nào. Điều này có ảnh hưởng gì đến giao lưu giữa các nước  - Quan sát h6.1 nhận xét sự phân bố dân cư .  *Bước 2:* Các nhóm thực hiện nhiệm vụ theo như yêu cầu của GV, trao đổi trong nhóm để cùng thống nhất phương án trả lời vào phiếu học tập.  *Bước 3:* HS đại diện nhóm báo cáo kết qủa nhóm kết hợp với bản đồ ; các nhóm khác , bổ sung.  *Bước 4:* GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.  - Tích hợp giáo dục môi trường, giáo dục dân số. | - Phân bố chủ yếu ở ven biển và đồng bằng.  - Dân số trẻ, nguồn lao động dồi dào. |

**HOẠT ĐỘNG 3. Tìm hiểu đặc điểm xã hội** *(Thời gian: 10 phút)*

*1. Mục tiêu:* Trình bày và giải thích được những nét tương đồng trong sinh hoạt, sản xuất, tập quán.

*2. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:* PP sử dụng kênh chữ SGK, hiểu biết các nhân, hợp tác nhóm

*3. Hình thức tổ chức:* Nhóm, cá nhân.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG** |
| *Bước 1:* GV yêu cầu HS dựa kênh chữ SGK và hiểu biết cho biết:  *Vì sao các nước lại có nét tương đồng về lịch sử đấu tranh và trong sinh hoạt, sản xuất?*  *Bước 2:* Các nhóm thực hiện nhiệm vụ theo như yêu cầu của GV.  *Bước 3:* HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung.  *Bước 4:* GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức. tương đồng về lịch sử đấu tranh, sinh hoạt sản xuất. Thuận lợi cho việc hợp tác ...  *Liên hệ:* Hiện nay các nước đã có những hợp tác nào để phát triển kinh tế- xã hội?  HS làm việc các nhân, trả lời | **II/** **Đặc điểm xã hội** :  Các nước trong khu vực có những nét tương đồng trong lịch sử đấu tranh, trong phong tục tập quán, sản xuất và sinh hoạt, vừa có sự đa dạng trong văn hóa từng dân tộc. Đó là những điều kiện thuận lợi cho sự hợp tác toàn diện giữa các nước |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP****(Cá nhân-7 phút)**

Bước 1: GV treo bản đồ, yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ sau:

*Đọc và xác định tên nước và thủ đô các nước ĐNÁ.*

*Về mặt xã hội các nước có những nét tương đồng nào?*

Bước 2: HS suy nghĩ thực hiện.

Bước 3 : HS trình bày.

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, MỞ RỘNG (3 phút)**

- Mục tiêu: Giúp học sinh tìm tòi kiến thức và có sự liên hệ thực tế.

- Phương pháp: Sử dụng sách giáo khoa, phương tiện truyền thông…

*Tìm hiểu hiện nay các nước đã làm gì trong việc hợp tác để phát triển kinh tế, xã hội?*

**Phiếu học tập**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. ĐNÁ có ...... quốc gia  2. Tên nước, thủ đô:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Tên quốc gia** | **Thủ đô** |  | **Tên quốc gia** | **Thủ đô** | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |   3. Nhận xét diện tích và dân số nước ta so với các nước:  Diện tích: …………………………………………………………………………………………….  - Dân số: ……………………………………………………………………………………………….  4. Các ngôn ngữ được dùng phổ biến ở khu vực: ……………………………………………..………  …………………………………………………………………….……………………………………  5. Nhận xét sự phân bố dân cư của khu vực : ………………………………………………………………………………..…………………..……. |